

Hiệp định Quốc tế về Bảo tồn và Trưng tu Di tích và Di sản (1964)

Đội họp Quốc tế lần thứ hai các Kiến trúc sư và Kỹ thuật gia về Di tích Lịch sử, Venice, 1964 đã được ICOMOS chấp nhận năm 1965.

Các di tích lịch sử của các thế hệ con người, thậm chí những thông điệp thời quá khứ, đến ngày nay hãy còn như là những chứng nhân sống của những truyền thống lâu đời của xã hội. Nhân loại ngày càng ý thức rõ ràng tính thiêng liêng của các giá trị con người và coi các di tích cũng như là một di sản chung. Con người và thế hệ hiện tại có trách nhiệm chung phải gìn giữ bảo vệ các di tích đó. Bảo tồn của chúng ta ngày nay là phải chuyển giao cho các thế hệ mai sau muôn ngàn di tích đó với đầy đủ vẻ rực rỡ huy hoàng đích thực của chúng.

Bởi vậy để duy trì và phát triển là các nguyên tắc của việc bảo tồn và trưng tu các công trình xây dựng của phải được thừa nhận và quy thành luật trên một bình diện quốc tế, song việc giành lấy cho mỗi quốc gia là trách nhiệm tìm ra biện pháp để bảo vệ áp dụng vào bối cảnh văn hóa và truyền thống riêng của mình.

Hiệp định Athens năm 1931, khi lần đầu tiên xác định ra những nguyên tắc của bảo tồn đó đã góp phần vào sự phát triển một phong trào quốc tế rộng lớn và đã được diễn giải ra các thủ tục trong các văn kiện quốc gia, trong hoạt động của ICOM và UNESCO và trong việc UNESCO thiết lập ra Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu việc Bảo tồn và Trưng tu tài sản văn hóa (International Center for Study of the Preservation and the Restoration of Cultural Property). Những thực tế và tình hình phê phán ngày càng phát triển đã nhúng vào các vấn đề không ngừng trở nên phức tạp và đa dạng; nay đã đến lúc cần soát xét lại các nguyên tắc của Hiệp định Athens để đi vào sâu hơn và mở rộng hơn phạm vi của nó trong một văn kiện mới.

Vì vậy, Đội họp Quốc tế lần thứ hai các Kiến trúc sư và các Kỹ thuật gia chuyên về các Di tích Lịch sử, họp tại Venice từ 25 đến 31 tháng 5, 1964, đã thông qua văn bản sau đây:

Định nghĩa

Điều 1.

Khái niệm di tích lịch sử không chỉ là một công trình kiến trúc đơn lẻ mà cả khung cảnh đô thị hoặc nông thôn có chức năng tích cực và một nền văn minh riêng, một phát triển có ý nghĩa hoặc một sự kiện lịch sử. Khái niệm này không chỉ áp dụng với những công trình nghệ thuật to lớn mà cả với những công trình khiêm tốn hơn nữa, cùng với thời gian, thâm nhập để có một ý nghĩa văn hoá.

Điều 2.

Việc bảo tồn và trùng tu di tích cần phải có sự viện trợ của các ngành khoa học và kỹ thuật nào có thể góp phần vào việc nghiên cứu và gìn giữ bảo vệ di sản văn hoá.

Điều 3.

Việc bảo tồn và trùng tu di tích là nhằm mục đích gìn giữ bảo vệ các di tích là công trình nghệ thuật cũng như là chức năng lịch sử.

Bổ toàn

Điều 4

Điều chủ yếu để viện trợ việc bảo tồn di tích là làm cho di tích đó được duy trì lâu bền.

Điều 5

Việc bảo tồn di tích luôn được ưu tiên đi đầu khi nhận thức được rằng cách sử dụng những di tích đó vào mục đích hữu ích cho xã hội, cách sử dụng như vậy là đáng làm, song phải không được biến đổi bất cứ một trang trí của công trình. Phải có quan niệm là chỉ đúng trong những giới hạn đó thì những sửa sang do thay đổi chức năng mới được phép tiến hành.

Điều 6

Việc bảo tồn một di tích bao hàm bảo tồn một khung cảnh nằm trong phạm vi liên quan tới di tích. Khi vẫn còn một khung cảnh như vậy thì khung cảnh đó phải được bảo vệ. Không một công trình xây dựng gì mới, một sự phá hủy hoặc sửa sang nào mà làm biến đổi một tính quan hệ của khối hình và màu sắc được phép tiến hành.

Điều 7

Một di tích là không thể tách rời khỏi lịch sử mà nó là chứng nhân, không thể tách rời khỏi khung cảnh mà nó tồn tại. Vì vậy, việc di chuyển toàn bộ hoặc bộ phận di tích là không được phép làm, trừ phi do đòi hỏi của việc bảo vệ di tích đó hoặc vì những lý do xác thực vì lợi ích quốc gia hoặc quốc tế hết sức quan trọng.

Điều 8

Những biện pháp điều chỉnh, tranh đấu hoặc trang trí nên hợp thành bộ phận hữu cơ của di tích chỉ được phép bóc lột khỏi di tích nếu cách đó là biện pháp duy nhất để đảm bảo được việc bảo tồn những thứ đó.

Trùng tu

Điều 9

Tiền trình trùng tu là một thao tác có tính chuyên môn cao. Mục đích của trùng tu là bảo tồn và làm rõ giá trị thẩm mỹ và lịch sử của di tích, và phải dựa trên cơ sở tôn trọng và lợi ích của các chủ thể liên quan. Trùng tu phải ngừng lại ngay khi bắt đầu có sự phỏng đoán, hên nhả trong trường hợp đó, nếu xét thấy nhất thiết phải làm thêm một cái gì đó vì lý do thẩm mỹ hoặc kỹ thuật thì bổ sung làm thêm đó phải phân biệt được với bộ các kiến trúc và phải ghi rõ đơn vị niên đại lúc thực hiện. Bắt đầu trong trường hợp nào, trước và sau khi trùng tu phải có nghiên cứu di tích và một khảo cổ và lịch sử.

Điều 10

Ở đâu mà kỹ thuật truyền thống tạo ra bất chấp thì để đảm bảo việc gia cố di tích lịch sử đó, có thể dùng một kỹ thuật hiện đại và bảo tồn và xây dựng. Tính hiệu quả của thao tác này phải được chứng minh bằng các liệu khoa học và được kinh nghiệm bảo tồn.

Điều 11

Những phần đóng góp có giá trị thẩm mỹ và lịch sử vào việc xây dựng di tích cần phải được tôn trọng, vì tính thống nhất của phong cách không phải là một tiêu chuẩn để đánh giá của trùng tu. Khi một công trình xây dựng bao gồm nhiều khoanh vùng chồng lên nhau của những thời kỳ khác nhau, thì việc bóc gỡ để làm rõ một khoanh bên dưới phải được biện minh xác đáng, mà chỉ trong tình huống hiếm hoi, và trong điều kiện là phần bóc gỡ không gây quan trọng và phần lộ ra là có giá trị lịch sử, khảo cổ và thẩm mỹ, và nếu là tình trạng bảo tồn phần đã lộ phải được tính toán đầy đủ để minh xác cho việc bóc gỡ. Việc đánh giá giá trị các phần cần bóc gỡ và quyết định bóc gỡ những phần nào không thể đơn thuần là ý muốn của cá nhân người phải trách trùng tu.

Điều 12

Những bộ phận dùng để thay thế vào những chỗ trống phải hài hòa với tổng thể, đồng thời phải phân biệt được với phần nguyên gốc; có thể với việc trùng tu một không làm sai lệch chủ thể nghệ thuật hoặc lịch sử.

Điều 13

Các phần xây dựng thêm cho các công trình kiến trúc mới chúng vẫn tôn trọng các bộ phận kiến trúc của tòa kiến trúc, khung cảnh truy cập kiến trúc, tính cân đối của bố cục kiến trúc và mối quan hệ của kiến trúc với môi trường xung quanh.

Di sản Lịch sử

Điều 14

Các di sản kiến trúc phải là di sản quan tâm đến bất kỳ nhóm người, bộ tộc và tính toàn vẹn của chúng và để đảm bảo cho những kiến trúc đó được sắp xếp, nâng lên chân giá trị. Việc bảo tồn và trùng tu tiến hành những di sản này cũng phải đáp ứng theo các nguyên tắc đã đưa ra trong các điều khoản trên.

Khai quật

Điều 15

Các cuộc khai quật phải được tiến hành phù hợp với các chuẩn mực khoa học và với "khuynh hướng xác định các nguyên tắc quốc tế" của nghị định trong trường hợp khai quật khảo cổ học" đã được UNESCO chấp nhận năm 1956.

Các phát hiện phải được duy trì và phải có những biện pháp cần thiết để bảo tồn và bảo vệ các thông tin xuyên các yếu tố kiến trúc và các di vật được phát hiện. Ngoài ra, phải thực hiện những biện pháp nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho sự hiểu biết di tích và làm bước đi di tích mà không làm sai lệch ý nghĩa của nó.

Song, *trước tiên* là phải lo ngại về việc xây dựng lại. Cho phép tiến hành anastylose, nghĩa là lắp ráp lại những bộ phận hiện còn song đã bị vỡ rã. Vật liệu dùng để gắn kết phải luôn luôn nhàn rỗi, mà chỉ nên dùng ở mức tối thiểu để đảm bảo việc bảo tồn di tích và phục hồi các hình dáng di tích.

Xuất bản

Điều 16

Mọi việc bảo tồn, trùng tu hoặc khai quật phải luôn được làm theo một bộ hồ sơ chính xác để ghi lại các báo cáo phân tích phê phán có bản vẽ bản đồ minh họa. Mọi giai đoạn thu dọn, gia cố, xếp đặt lại và gắn kết, cũng như các biện pháp kỹ thuật chính thức được xác định sẽ thực thi trong tiến trình làm việc phải được ghi vào hồ sơ. Hồ sơ này sẽ được đưa vào bộ phận lưu trữ của một tổ chức công khai để cho các nhà nghiên cứu được quyền tham khảo. Hồ sơ cần được xuất bản công khai.

Tham gia vào Ủy ban soạn thảo Hiệp định quốc tế về Bảo tồn, Trùng tu Di tích gồm những người có tên sau:

Piero Gazzola (ý), Chủ tịch

Raymond Lemaire (B), Thuyết trình viên

Jose' Bassegoda - Nonell (Tây Ban Nha)

Lui Benavente (Bồ Đào Nha)

Djordje Boskovic (Nam Tư)

Hiroshi Daifuku (UNESCO)

P. L de Vrieze (Hà Lan)

Harald Langberg (Đan Mạch)

Mario Matteucci (Ý)

Jean Merlet (Pháp)

Carlos Flores Marini (Mêhicô)

Roberto Pane (Ý)

S. C. J. Pavel (Tiệp Khắc)

Paul Philippot (ICCRUM. Ủy ban Quốc tế Bảo tồn Trung tu Di tích)

Victor Pimentel (Pê ru)

Harold Plenderleith (ICCROM)

Deoclecio Redig de Campos (Vaticăng)

Jean Sonnier (Pháp)

Francois Sorlin (Pháp)

Eustathios Stikas (Hy Lạp)

Gertrup Tripp (Áo)

Jan Zachwatovicz (Ba Lan)

Mustafa S. Zbiss (Tuynidi)